

Bản án số: 26/2025/HS-PT
Ngày: 22/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 527/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Hồng H1, do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 07/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Vũ Hồng H1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn T, phường A, tỉnh Tuyên Quang (*trước đây là: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang*); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị G; chưa có chồng, có 01 con sinh ngày 25/3/2025; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Bị hại: Công ty Cổ phần B; địa chỉ: B - B K, phường V, thành phố Hồ Chí Minh (*trước đây là: 261 - 263 K, phường B, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh*).

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Trần Thị H2, sinh năm 1981; địa chỉ: P, tầng A Tòa nhà Z, ngõ A D, phường C, thành phố Hà Nội (*trước đây là: Tòa nhà Z, ngõ A D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội*). Vắng mặt.

Người được bà H2 ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 - Trưởng nhóm Pháp chế của Công ty Cổ phần B; địa chỉ: Tổ B, phường B, thành phố Hà Nội (*trước đây là: Tổ B, phường N, quận L, thành phố Hà Nội*). Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Ngọc C và Đinh Thu H3 - Văn phòng luật sư Trần C và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt luật sư Trần Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Hồng H1 ký hợp đồng lao động số 104029/010223 PR4/FRT ngày 17/01/2023 với Công ty Cổ phần B, nhiệm vụ là nhân viên khối bán hàng tại Trung tâm bán lẻ số 164-166-168 đường B, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi được tuyển dụng, H1 được điều động về làm việc tại cửa hàng FPT, tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*cửa hàng FPT thị trấn F*). Ngày 11/7/2023, H1 được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ca bán hàng tại cửa hàng FPT thị trấn F, kiêm nhiệm quản lý cửa hàng, H1 có nhiệm vụ quản lý nhân sự, điều hành hoạt động và quản lý tài sản của cửa hàng, kiểm soát, đảm bảo hàng hóa đầy đủ không bị mất mát, điều chuyển hàng hóa đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh doanh của cửa hàng.

Theo quy định của Công ty, quy trình bán hàng được quy định như sau:

- Sau khi nhân viên bán hàng tư vấn, nếu khách đồng ý mua hàng thì nhân viên phải thực hiện thao tác tạo đơn hàng trên phần mềm “mPos” (*là ứng dụng quản lý bán hàng của Công ty*) và xuất hóa đơn bán hàng trên hệ thống, xuất kho đơn hàng, sau khi khách hàng thanh toán tiền xong thì mới giao sản phẩm cho khách hàng.

- Về hình thức thanh toán tiền mua hàng: Đối với hình thức thanh toán bằng chuyển khoản, khách hàng sẽ quét mã QR tại cửa hàng và thực hiện thao tác chuyển khoản tiền mua hàng, số tiền này sẽ chuyển trực tiếp đến tài khoản của Công ty, hệ thống tự xuất hóa đơn cho khách; đối với hình thức thanh toán bằng tiền mặt, nhân viên bán hàng sẽ trực tiếp nhận số tiền này và nộp về Công ty bằng hình thức chuyển khoản. Đối với tiền bán hàng từ thứ 2 đến thứ 6 thì tiền ngày hôm trước phải được kiểm kê và nộp về tài khoản của Công ty trước 12 giờ của ngày hôm sau. Tiền bán hàng ngày của thứ 6, thứ 7 và chủ nhật sẽ nộp về Công ty trước 12 giờ ngày thứ 2.

Quá trình làm việc tại cửa hàng, từ tháng 02/2023 đến tháng 05/2023, cửa hàng bán hàng không đạt doanh số được Công ty giao. Do muốn tăng doanh số bán hàng, nên từ tháng 06/2023, Vũ Hồng H1 đã liên hệ với anh Đào Trọng D (*sinh năm 1989; trú tại tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*) và anh Nguyễn Văn T2 (*sinh năm 1992; trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*), là chủ các cửa hàng kinh doanh, sửa chữa điện thoại. H1 thỏa thuận sẽ bán các thiết bị điện tử cho anh D và anh T2 với giá rẻ hơn giá trên thị trường, nhưng anh D và anh T2 phải chuyển trước tiền mua hàng cho H1. Khi có nhu cầu mua hàng, anh D và anh T2 sẽ thỏa thuận trước với H1 về chủng loại, số lượng và đơn giá, tùy từng loại thiết bị điện tử và từng thời điểm, giá bán của H1 đều rẻ hơn so với giá bán lẻ niêm yết của Công ty cổ phần B từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01 sản phẩm, sau khi nhận được tiền của anh D và anh T2, H1 sẽ giao hàng hóa và đối trừ với số tiền đã nhận trước đó. Anh D1 và anh T2 đồng ý.

Từ tháng 06/2023 đến ngày 20/9/2023, anh D1 và anh T2 đã nhiều lần chuyển tiền đặt mua hàng vào 02 tài khoản của H1 (*tài khoản số 3411521581 tại Ngân hàng TMCP Đ và tài khoản số 108875130588 tại Ngân hàng TMCP C1*). Tổng số tiền H1 đã nhận là 6.451.887.000 đồng; trong đó nhận của anh D1 5.220.227.000 đồng, nhận của anh T2 1.231.660.000 đồng.

Thực hiện thỏa thuận trên, từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2023, H1 đã giao tổng số 261 thiết bị điện tử là hàng hóa được Công ty xuất bán tại cửa hàng FPT thị trấn F và 14 cửa hàng khác thuộc hệ thống của Công ty cổ phần B, cho anh D1 và anh T2 với giá thỏa thuận là 5.341.600.000 đồng. Thực tế H1 đã phải thanh toán tiền mua số hàng hóa trên theo giá niêm yết của Công ty cổ phần B là 6.244.170.000 đồng.

Đồng thời, sau khi nhận được tiền của anh D1 và anh T2 chuyển theo thỏa thuận, với mục đích tăng doanh số bán hàng, H1 đã làm thủ tục thể hiện đã xuất bán 28 thiết bị điện tử với số tiền trên hóa đơn là 173.679.000 đồng và nộp số tiền này về Công ty theo quy định (*thực tế các thiết bị này chưa được bán và H1 vẫn để tại cửa hàng*).

Vì còn nợ anh D1 và anh T2 nhiều loại sản phẩm điện tử chưa giao, nhưng H1 không có nguồn tiền mua các sản phẩm điện tử này để giao cho các anh D1, T2 như thỏa thuận, nên từ ngày 01/9/2023 đến ngày 20/9/2023, H1 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là người được giao trách nhiệm quản lý Cửa hàng FPT thị trấn F để chiếm đoạt 45 sản phẩm điện tử của cửa hàng (*gồm: 02 điện thoại iPhone 13 loại 128 GB; 18 điện thoại iPhone 14 Pro loại 128 GB; 12 điện thoại iPhone 14 Pro Max loại 256 GB; 02 máy tính bảng iPad Pro 11 loại 128 GB; 01 máy tính bảng iPad 10.2 loại 256 GB; 01 máy tính xách tay Macbook 13; 09 điện thoại Samsung Galaxy Z loại 128 GB*) để giao trả cho anh D1, anh T2 nhưng không nhớ cụ thể chủng loại, số lượng sản phẩm đã giao cho từng người; việc giao hàng do H1 trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo chị H4, chị L giao hàng cho anh D1 và anh T2 (*chị H4 và chị L không biết việc H1 chiếm đoạt các sản phẩm của cửa hàng*). Toàn bộ 45 sản phẩm điện tử này H1 không xuất đơn hàng, không xuất hóa đơn trên hệ thống, không xuất kho đơn hàng, không thanh toán tiền mua hàng cho Công ty cổ phần B.

Đến ngày 21/9/2024, Ban Kiểm soát nội bộ của Công ty cổ phần B tiến hành kiểm tra và phát hiện kho của cửa hàng FPT thị trấn F bị thiếu 152 sản phẩm điện tử (*45 sản phẩm bị H1 chiếm đoạt; 107 sản phẩm khác có trị giá là 81.602.800đ*); ngoài ra quỹ tiền mặt của cửa hàng còn bị thiếu hụt số tiền là 56.000.000 đồng. Ngày 22/09/2023, Công ty cổ phần B đã tố cáo hành vi H1 chiếm đoạt 45 sản phẩm điện tử và số tiền 56.000.000 đồng. Đối với các thiết bị điện tử còn lại, Công ty cổ phần B đã xác định mất không rõ nguyên nhân, khi H1 tiếp nhận công việc không thực hiện kiểm kê tài sản với quản lý cũ, không phải do H1 chiếm đoạt tài sản, nên Công ty không đề nghị Cơ quan điều tra xem xét, xử lý hình sự đối với H1 làm thất thoát các thiết bị này.

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Tổng giá trị tài sản của 45 thiết bị H1 chiếm đoạt thời điểm tháng 09/2023 là

1.069.420.278 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 07/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Hồng H1 phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hồng H1 17 (*mười bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và 468 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần B số tiền 1.069.420.278 đồng (*Một tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng*), được trừ đi số tiền đã nộp khắc phục là 114.500.000 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*) và 29.080.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*) chuyển khoản nhằm cho ông Trương Ngọc M, tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 925.840.278đ (*Chín trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng*).

Công ty Cổ phần B được nhận số tiền bị cáo nộp khắc phục là 114.500.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng hiện đã được chuyển từ tài khoản số hiệu 3941.0.1006751.00000 của Sở Tài chính tỉnh T mở tại Kho bạc Nhà nước T4 vào tài khoản số hiệu 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang mở tại Kho bạc Nhà nước T4 theo ủy nhiệm chi ngày 24/12/2024 và 64.500.000 đồng bị cáo nộp trực tiếp theo Biên lai số 0000169 ngày 27/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

- Giành quyền khởi kiện cho Công ty Cổ phần B đối với số tiền 56.000.000 đồng; 36 thiết bị điện tử còn lưu tại cửa hàng và 107 thiết bị thất thoát khi kiểm kê thành một vụ án dân sự khác.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ trong trường hợp chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 17/3/2025, bị cáo Vũ Hồng H1 kháng cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 19/3/2025, Công ty Cổ phần B kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo đối với số tiền 56.00.000 đồng tiền quỹ mà bị cáo đã chiếm đoạt và buộc bị cáo phải bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Vũ Hồng H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định; xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là đúng, bị cáo rất ân hận, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện. Bị cáo khai

không có mục đích chiếm đoạt số tiền này mà do áp lực về doanh số Công ty giao, lo lắng sẽ bị mất việc nếu không đảm bảo doanh thu nên đã phạm tội. Do đó mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là quá nặng, bị cáo mới sinh con ngày 25/3/2025 và đã nộp thêm 10.000.000 đồng để bồi thường cho Công ty Cổ phần B, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo nhất trí bồi thường cho Công ty Cổ phần B số tiền 56.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty Cổ phần B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và các tình tiết có liên quan, xác định mức hình phạt 17 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là phù hợp. Số tiền 10.000.000 đồng bị cáo bồi thường thêm sau khi xét xử sơ thẩm là quá nhỏ so với số tiền mà bị cáo còn phải có nghĩa vụ bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt tại bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Cần đối trừ số tiền 173.679.000 đồng mà bị cáo đã nộp vào quỹ tiền mặt của Công ty để xác định giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, từ đó xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo theo nội dung của bản Kết luận điều tra và xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Vũ Hồng H1 và đại diện hợp pháp của bị hại trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Tuyên Quang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Vũ Hồng H1 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp khách quan với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; kết quả giám định; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Vũ Hồng H1 là người được được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ca bán hàng tại cửa hàng FPT thị trấn F, kiêm nhiệm quản lý cửa hàng. Quá trình công tác, bị cáo có nhiệm vụ quản lý nhân sự, điều hành hoạt động và quản lý tài sản của cửa hàng, kiểm soát, đảm bảo hàng hóa đầy đủ không bị mất mát, điều chuyển hàng hóa đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh doanh của cửa hàng. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến ngày 20/9/2023, vì mục đích tăng doanh

số bán hàng theo chỉ tiêu của Công ty cổ phần B giao, bị cáo đã thỏa thuận bán cho anh Đào Trọng D và Nguyễn Văn T2 261 thiết bị điện tử của Công ty cổ phần B với giá rẻ hơn giá niêm yết của Công ty với số tiền là 1.041.329.000 đồng. Do không có tiền thanh toán cho Công ty nên H1 phải sử dụng chính số tiền anh Đào Trọng D và Nguyễn Văn T2 đã chuyển khoản ứng trước để bù vào số tiền thâm hụt nêu trên. Vì còn nợ anh D và anh T2 nhiều loại sản phẩm điện tử chưa giao theo thỏa thuận, nên từ ngày 01/9/2023 đến ngày 20/9/2023, tại cửa hàng FPT thị trấn F, Vũ Hồng H1 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của người được giao trách nhiệm quản lý trực tiếp chiếm đoạt của cửa hàng 45 sản phẩm điện tử, gồm: 02 điện thoại iPhone 13 loại 128 GB; 18 điện thoại iPhone 14 Pro loại 128 GB; 12 điện thoại iPhone 14 Pro Max loại 256 GB; 02 máy tính bảng iPad Pro 11 loại 128 GB; 01 máy tính bảng iPad 10.2 loại 256 GB; 01 máy tính xách tay Macbook 13; 09 điện thoại Samsung Galaxy Z loại 128 GB để giao cho anh D và anh T2.

[3.2] Theo Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Tổng giá trị tài sản của 45 thiết bị H1 chiếm đoạt thời điểm tháng 09/2023 là 1.069.420.278 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng*). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của người bào chữa cho rằng số tiền bị cáo tham ô cần được đối trừ với số tiền 173.679.000 đồng mà bị cáo đã xuất bán 28 thiết bị điện tử, đã nộp số tiền này về Công ty theo quy định, nhưng Công ty vẫn đang quản lý tại cửa hàng và cho rằng bị cáo chỉ phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự là không đúng nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo về việc đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Hồng H1 là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là người quản lý của cửa hàng để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và quyền sở hữu tài sản của Công ty cổ phần B. Tội phạm mà bị cáo thực hiện là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, mức hình phạt khởi điểm quy định tại khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự về tội: “Tham ô tài sản” là 20 năm tù.

[4.2] Bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, nhiều lần, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo tại thời điểm xét xử là người đang có thai; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục được một phần hậu quả nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, b, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là 17 năm tù, dưới mức thấp nhất của hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự 03 năm tù là không nặng. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện đã nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường cho Công ty cổ phần

B, tuy nhiên như vị Kiểm sát viên đã phân tích số tiền này là không đáng kể so với số tiền mà bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giảm nhẹ hơn nữa hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của đại diện bị hại cho rằng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tham ô đối với số tiền 56.000.000 đồng tiền quỹ mà bị cáo đã chiếm đoạt và có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Tuyên Quang đều xác định chưa có đủ căn cứ, tài liệu chứng minh bị cáo chiếm đoạt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra và dành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho Công ty Cổ phần B là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm b, e khoản 2 Điều 23; điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Vũ Hồng H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị hại là Công ty Cổ phần B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hồng H1 về việc đề nghị được giảm nhẹ hình phạt. Giữ nguyên quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 07/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hồng H1 17 (mười bảy) năm tù tội về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bắt đầu chấp hành án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là Công ty Cổ phần B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung: “Giành quyền khởi kiện cho Công ty Cổ phần B đối với số tiền 56.000.000 đồng thành một vụ án dân sự khác”.

3. Về án phí phúc thẩm:

3.1. Bị cáo Vũ Hồng H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3.2. Bị hại là Công ty Cổ phần B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

3.3. Xác nhận bị cáo Vũ Hồng H1 đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0001358 ngày 20/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang và nộp 10.000.000 đồng để bồi thường cho Công ty Cổ phần B theo Biên lai số 0000028 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện CT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- CQ Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo, bị hại (Theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh